

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 6 - 2025
V/v hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiên và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐ – HPT ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1971 (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1970 (Có mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Duyên Lễ, xã Hòa An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, cưới và có đăng kết hôn ngày 01/3/1995 tại UBND xã Thái An (nay là xã Hòa An), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng luôn ở trạng thái căng thẳng vì anh T là người mắc tệ nạn cờ bạc, rượu chè, thường xuyên xảy ra bạo lực gia đình với chị dưới mọi hình thức. Từ năm 2017 đến nay, anh T không đi làm, không có thu nhập cho gia đình. Ngày 01/10/2024, anh T ghen tuông vô cớ nên cầm dao đuổi chị ra khỏi nhà và có những lời xúc phạm bố mẹ chị và đe dọa đến tính mạng của chị. Sau khi chị bị anh T đuổi đi, chị đến ở nhờ nhà chị

gái anh T nhưng anh vẫn ra gây rối, có ngày 12 giờ đêm anh đến gọi cổng. Sau đó, chị chuyển về nhà mẹ đẻ chị ở thì anh T gọi điện thoại cho chị và các con chị đe dọa tính mạng chị. Ngày 15/11/2024, anh T đi làm tại Bắc Ninh và gọi điện thoại bảo chị về trông nom nhà cửa, chị đã về nhà sinh hoạt bình thường. Đến ngày 31/12/2024, anh T không đi làm nữa mà về nhà, mấy ngày đầu vợ chồng không có gì căng thẳng, đến ngày 04/01/2025 (chủ nhật) chị đi họp, anh T bảo chị dựa vào họp hành để đi ngoại tình rồi lại đe dọa, đánh đuổi chị. Ngày hôm sau (05/01/2025) khi chị đi làm anh T đốt hết quần áo và giấy tờ của 03 mẹ con chị. Từ đó đến nay chị và anh T sống ly thân. Chị nhận thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị vô cùng trầm trọng và ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không thể nào kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh T có 02 con chung là Trần Thị Trang T sinh ngày 17/11/1995 và Trần Thị Thu H sinh ngày 02/10/2005. Cả hai con đều đã thành niên, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nợ chung và tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đọc được tin nhắn trong điện thoại của chị H, từ đó anh nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người khác. Sau đó, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xô xát, chị H tự ý bỏ đi, cắt liên lạc với anh, anh không tìm được nên anh tức giận đốt hết quần áo của chị H. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn. Anh yêu cầu chị H phải xin lỗi anh thì anh mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Trần Thị Trang T sinh ngày 17/11/1995 và Trần Thị Thu H sinh ngày 02/10/2005. Hiện các con chung đều đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng.

- Về chia tài sản: Vợ chồng anh không có nợ chung và tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt tại phiên tòa là đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Trần Văn T; Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi thường trú tại xã Hòa An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thay đổi nơi thường trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 01/3/1995 tại UBND xã Thái An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Hòa An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình). Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cách sống, sinh hoạt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khi anh T nghi ngờ chị H quan hệ bất chính với người khác. Mặc dù, không có căn cứ rõ ràng về việc chị H không chung thủy nhưng anh T đã có những hành động, lời nói không chuẩn mực xúc phạm nặng nề đến danh dự nhân phẩm của chị H dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể cứu vãn. Bản thân anh T thừa nhận trong suốt thời gian từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến trước khi mở phiên Tòa mặc dù đã được gia đình, Tòa án hoà giải nhưng anh T không có lời lẽ, hành động cụ thể để thuyết phục chị H về chung sống. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó thể hiện chị H và anh T đều không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T đều xác định 02 con chung là Trần Thị Trang T sinh ngày 17/11/1995 và Trần Thị Thu H sinh ngày 02/10/2005. Hiện các con chung đều đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu

sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Trần Văn T.

2. *Về con chung*: Không đặt ra giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000898 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị H và anh T có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Hòa An (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

